

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2017

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Anh

Bà Vũ Thị Hảo

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Văn Đô – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đồng Thị Kim T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Hon Đậu P, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp D, xã E, huyện G, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có mặt, anh P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/4/2017, các bản khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đồng Thị Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hon Đậu P tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện G, tỉnh Đồng Nai, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyền số 01 ngày 21/02/2013. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh P thường xuyên cờ bạc, không lo kinh tế gia đình, không lo cho vợ con nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Chị T đã về nhà

cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2014 nên vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Hon Dậu P.

Về con chung: Có 01 con chung tên Hon Koón H, sinh ngày 13/7/2013. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản khai ngày 31/5/2017 tại Tòa án, bị đơn anh Hon Dậu P trình bày: Anh không đồng ý ly hôn với chị T ngoài ra anh P không trình bày gì thêm.

Sau đó, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Hon Dậu P đến Tòa án để làm việc nhưng đều vắng mặt không có lý do; Tòa án đã thông báo giao nộp tài liệu, chứng cứ nhưng anh Hon Dậu P không giao nộp. Tại phiên tòa, anh P vắng mặt nên không có lời khai của anh P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ là đúng quy định.

+ Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và đương sự là đúng quy định.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Đồng Thị Kim T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Hon Dậu P, sinh năm 1983; Địa chỉ: ấp D, xã E, huyện G, tỉnh Đồng Nai; Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[3] Bị đơn anh Hon Dậu P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không có yêu cầu phản tố, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P là đúng quy định.

* Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị Kim T và anh Hon Dậu P chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện G, tỉnh Đồng Nai, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyển số 01 ngày 21/02/2013, căn cứ Điều 11, 12, 13, 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 hôn nhân của chị Đồng Thị Kim T và anh Hon Dậu P được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Theo kết quả xác minh ngày 15/6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện G, tỉnh Đồng Nai thì anh P và chị T có đăng ký kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2013 tại ấp D, xã E, huyện G, tỉnh Đồng Nai; Trong quá trình chung sống, anh P cờ bạc, nợ nần, không chăm lo cho gia đình, vợ con nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, chị T bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ năm 2014 đến nay. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải nhiều lần để chị T và anh P đoàn tụ nhưng anh P đều vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải. Căn cứ vào các Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn khởi kiện cho chị T được ly hôn với anh P là phù hợp.

[5] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị T và anh P có 01 con chung tên Hon Koón H, sinh ngày 13/7/2013. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho chị T và anh P giao nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu được nuôi con chung nhưng chỉ có chị T giao nộp xác nhận của Ủy ban nhân dân phường B, thành phố C về việc chị T có nơi ở ổn định cùng cha mẹ ruột tại địa chỉ: khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Nai và xác nhận của Công ty TNHH Pouchen Việt Nam; Địa chỉ: Đường M, xã N, thành phố C, tỉnh Đồng Nai là chị T đang làm công nhân tại công ty, với mức lương và phụ cấp hàng tháng là 4.703.000 đồng. Như vậy, chị T có nơi ở và thu nhập ổn định, cháu H sống cùng chị T từ nhỏ tới nay. Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã E thì anh P thường xuyên đi làm ăn xa đồng thời anh P không cung cấp cho Tòa án yêu cầu về nuôi con chung và các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu nuôi con chung theo yêu cầu của Tòa án. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu được nuôi con chung của chị T là có cơ sở. Do đó, giao con chung tên Hon Koón H, sinh ngày 13/7/2013 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Tại phiên tòa, chị T không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Đồng Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 11, 12, 13, 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đồng Thị Kim T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị Kim T được ly hôn với anh Hon Dậu P.
2. Về con chung: Giao cháu Hon Koón H, sinh ngày 13/7/2013 cho chị Đồng Thị Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời anh Hon Dậu P không phải cấp phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Hon Dậu P được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Đồng Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) chị T đã nộp theo biên lai số 001335 ngày 21/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị Đồng Thị Kim T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THA huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- UBND xã E, huyện G, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

Nguyễn Xuân Quang